HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

MÔNG CỔ

VỀ

DẪN ĐỘ

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
MÔNG CỔ
VỀ
DẪN ĐỘ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ (sau đây gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên");

Mong muốn tăng cường mối quan hệ hữu nghị giữa hai quốc gia;

Khẳng định sự cần thiết phải hợp tác hiệu quả hơn nữa trong ngăn ngừa và trừng trị tội phạm giữa hai quốc gia;

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

Nghĩa vụ dẫn độ

Theo quy định của Hiệp định này, một Bên đồng ý dẫn độ cho Bên kia bất kỳ người nào đang có mặt trên lãnh thổ của nước mình mà Bên kia yêu cầu để truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc thi hành hình phạt về một tội có thể bị dẫn độ.

ĐIỀU 2

Các tội phạm có thể bị dẫn độ

1. Theo quy định của Hiệp định này, tội phạm có thể bị dẫn độ là tội phạm có thể bị xử phạt tù với thời hạn từ một (01) năm trở lên hoặc hình phạt nghiêm khắc hơn theo quy định pháp luật của các Bên.

2. Trong trường hợp yêu cầu dẫn độ liên quan đến một người để thi hành hình phạt tù, thì việc dẫn độ chỉ được thực hiện nếu thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại ít nhất sáu (06) tháng.

3. Phù hợp với quy định của Điều này, việc xác định một tội phạm có phải là tội phạm theo pháp luật của các Bên hay không sẽ được tiến hành như sau:

a) Không yêu cầu pháp luật của các Bên quy định hành vi cấu thành tội phạm đó phải thuộc cùng một nhóm tội hoặc cùng một tội danh;

b) Tất cả các hành vi phạm tội của người bị yêu cầu dẫn độ phải được xem xét và không nhất thiết các yếu tố cấu thành của tội phạm đó theo pháp luật của các Bên phải giống như nhau.

4. Trong trường hợp yêu cầu dẫn độ một người liên quan đến một tội về thuế, thuế hải quan, kiểm soát ngoại hối hoặc các vấn đề về thu nhập khác thì Bên được yêu cầu không được từ chối dẫn độ với lý do là pháp luật của Bên đó không áp dụng cùng loại thuế, thuế hải quan đó hoặc không có quy chế ngoại hối, thuế, thuế hải quan tương tự như pháp luật của Bên yêu cầu.

5. Theo quy định của Hiệp định này, trong trường hợp tội phạm được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của Bên yêu cầu, thì việc dẫn độ sẽ được thực hiện nếu pháp luật của Bên được yêu cầu cũng quy định hình phạt đối với một tội phạm được thực hiện bên ngoài lãnh thổ của mình trong điều kiện tương tự. Trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu không quy định như vậy, thì Bên được yêu cầu có thể chủ động tiến hành việc dẫn độ.

6. Việc dẫn độ có thể được thực hiện theo quy định của Hiệp định này với điều kiện là:

a) Hành vi được nêu trong yêu cầu dẫn độ cấu thành tội phạm ở Bên yêu cầu vào thời điểm hành vi đó xảy ra; và

b) Hành vi đó sẽ cấu thành tội phạm ở Bên được yêu cầu nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu tại thời điểm nhận được yêu cầu dẫn độ.

ĐIỀU 3

Các trường hợp từ chối dẫn độ

1. Việc dẫn độ sẽ bị từ chối nếu:

a) Bên được yêu cầu có căn cứ xác đáng để cho rằng yêu cầu dẫn độ đối với một tội phạm thông thường được đưa ra nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc trừng phạt một người vì lý do chủng tộc, dân tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quốc tịch, quan điểm chính trị hoặc các yếu tố khác hoặc vị thế của người đó có thể bị ảnh hưởng bởi các lý do trên;

b) Người bị yêu cầu dẫn độ đã được tuyên vô tội hoặc được đặc xá hoặc đã thi hành hình phạt về tội mà người này bị yêu cầu dẫn độ theo pháp luật của Bên được yêu cầu hoặc của quốc gia thứ ba;

c) Theo pháp luật của một Bên, người bị yêu cầu dẫn độ được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc miễn thi hành hình phạt vì lý do hết thời hiệu;

d) Tội phạm mà người bị yêu cầu dẫn độ bị buộc tội hoặc kết án hoặc bất kỳ tội nào mà vì đó người này bị giam giữ hoặc xét xử theo Hiệp định này, có hình phạt tử hình theo pháp luật của Bên yêu cầu, trừ khi Bên này cam kết sẽ không tuyên hình phạt tử hình hoặc nếu có tuyên hình phạt tử hình thì không thi hành hình phạt tử hình đó; hoặc

e) Bên được yêu cầu có căn cứ xác đáng để tin rằng người bị yêu cầu dẫn độ sẽ bị tra tấn và đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người ở Bên yêu cầu.

2. Việc dẫn độ có thể bị từ chối nếu:

a) Tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ là tội phạm chính trị theo quan điểm của Bên được yêu cầu. Các Bên sẽ không coi hành vi giết người hoặc giết người chưa đạt hoặc tấn công người đứng đầu Nhà nước hoặc thành viên gia đình của người đó hoặc hành vi bị trừng phạt như là một tội phạm theo các điều ước quốc tế đa phương mà các Bên là thành viên là tội phạm chính trị;

b) Theo quan điểm của Bên được yêu cầu, tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ là tội phạm chịu sự điều chỉnh của pháp luật liên quan đến quân đội, không phải là tội phạm chịu sự điều chỉnh của pháp luật hình sự thông thường của Bên được yêu cầu;

c) Theo pháp luật của Bên được yêu cầu, tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ được cho là đã được thực hiện toàn bộ hoặc một phần ở Bên được yêu cầu;

d) Người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Bên được yêu cầu về tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ;

e) Người bị yêu cầu dẫn độ đã bị kết án hoặc có khả năng sẽ bị xét xử hoặc bị kết án ở Bên yêu cầu bởi một tòa án hoặc một phiên tòa đặc biệt hoặc chỉ dành riêng cho một người hoặc một nhóm người đặc biệt; hoặc

f) Bên được yêu cầu, khi xem xét đến mức độ nghiêm trọng của tội phạm và những lợi ích của Bên yêu cầu cho rằng, việc dẫn độ người đó sẽ không công bằng hoặc áp bức hoặc trong các trường hợp đặc biệt, vì hoàn cảnh cá nhân của người bị yêu cầu dẫn độ, việc dẫn độ sẽ không phù hợp với các nguyên tắc nhân đạo.

3. Trong trường hợp từ chối dẫn độ, Bên được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên yêu cầu trong thời gian sớm nhất có thể và phải nêu rõ lý do từ chối.

ĐIỀU 4

Hoãn dẫn độ và dẫn độ tạm thời

1. Nếu người bị yêu cầu dẫn độ đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành hình phạt ở Bên được yêu cầu về một tội phạm không phải là tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ, Bên được yêu cầu có thể hoãn việc dẫn độ người đó cho đến khi kết thúc việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành xong hình phạt đã được tuyên. Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về việc hoãn dẫn độ nói trên.

2. Nếu yêu cầu dẫn độ được đưa ra đối với người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ở Bên được yêu cầu thì Bên được yêu cầu có thể, thậm chí nếu người đó đã bị buộc tội và bị kết án phạt tù, tiến hành các thủ tục tố tụng dẫn độ người đó và trên cơ sở quyết định dẫn độ được đưa ra, sẽ dẫn độ tạm thời người đó cho Bên yêu cầu vì mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Trong trường hợp người đó bị dẫn độ tạm thời, người đó sẽ bị giam giữ ở Bên yêu cầu sau khi kết thúc quá trình tố tụng hình sự đối với người đó, phù hợp với các điều kiện do các Bên thống nhất.

ĐIỀU 5

Dẫn độ công dân

1. Các Bên sẽ không dẫn độ công dân của mình.

2. Nếu Bên được yêu cầu từ chối dẫn độ công dân của mình có liên quan đến một tội phạm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này và tòa án của Bên được yêu cầu có thẩm quyền xét xử đối với tội phạm đó thì Bên được yêu cầu sẽ đưa vụ án đó ra cơ quan có thẩm quyền của mình để có thể truy cứu tránh nhiệm hình sự người có liên quan đến tất cả các tội phạm hoặc một tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ nếu xét thấy là phù hợp.

ĐIỀU 6

Thủ tục dẫn độ và các tài liệu cần thiết

1. Yêu cầu dẫn độ phải lập bằng văn bản và được gửi trực tiếp giữa các Cơ quan Trung ương quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

2. Yêu cầu dẫn độ sẽ bao gồm hoặc kèm theo:

a) Ngày, tháng, năm và địa điểm lập yêu cầu dẫn độ;

b) Tên và địa chỉ của cơ quan yêu cầu dẫn độ;

c) Bản mô tả chính xác nhất có thể về người bị yêu cầu dẫn độ cùng với bất kỳ thông tin nào khác giúp xác định đặc điểm nhận dạng và quốc tịch của người đó bao gồm, nếu có thể, ảnh và dấu vân tay và nếu biết, nơi cư trú của người đó;

d) Bản mô tả các tình tiết khách quan của vụ án bị cáo buộc cấu thành tội phạm; bản mô tả về tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ, bao gồm thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, hình phạt áp dụng đối với tội phạm đó theo quy định pháp luật; và

e) Văn bản các luật xác định tội phạm và hình phạt và các luật có liên quan đến thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thời hiệu thi hành hình phạt đối với tội phạm đó.

3. Nếu yêu cầu dẫn độ liên quan đến người chưa bị kết án, thì còn phải kèm theo bản sao của lệnh bắt do thẩm phán, hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác của Bên yêu cầu ban hành.

4. Nếu yêu cầu dẫn độ liên quan đến người đã bị kết án, cùng với các tài liệu được quy định tại khoản 3 Điều này, thì còn phải kèm theo bản sao bản án do tòa án của Bên yêu cầu tuyên. Nếu người đó đã bị kết án và thi hành hình phạt, yêu cầu dẫn độ sẽ phải kèm theo văn bản xác nhận thời gian hình phạt đã được thi hành. Nếu người đó đã bị kết án nhưng chưa thi hành hình phạt, yêu cầu dẫn độ sẽ phải kèm theo văn bản xác nhận việc này.

5. Các yêu cầu dẫn độ, tài liệu kèm theo và thông báo khác được lập theo Hiệp định này sẽ phải được ký và đóng dấu chính thức bởi cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu và kèm theo bản dịch bằng tiếng Anh trong trường hợp các tài liệu này được lập bằng ngôn ngữ chính thức của Bên yêu cầu.

ĐIỀU 7

Thông tin bổ sung

1. Nếu Bên được yêu cầu cho rằng thông tin đã cung cấp kèm theo yêu cầu dẫn độ không đầy đủ để bảo đảm thực hiện việc dẫn độ theo Hiệp định này, thì Bên được yêu cầu có thể yêu cầu cung cấp các thông tin bổ sung trong thời hạn do Bên này ấn định.

2. Nếu người bị yêu cầu dẫn độ đang bị giam giữ và các thông tin bổ sung đã cung cấp không đầy đủ theo Hiệp định này hoặc không nhận được trong thời hạn đã ấn định, thì người này có thể được trả tự do. Việc trả tự do cho người này không cản trở Bên yêu cầu đưa ra yêu cầu mới về dẫn độ người đó.

3. Trước khi trả tự do cho người này theo khoản 2 Điều này, thì Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu trong thời gian sớm nhất có thể.

ĐIỀU 8

Cơ quan Trung ương

1. Cơ quan Trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ là Bộ Công an. Cơ quan Trung ương của Mông Cổ sẽ là Bộ Tư pháp và Nội vụ.

2. Các Cơ quan Trung ương của các Bên sẽ xử lý các yêu cầu dẫn độ phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên.

3. Trong trường hợp một Bên thay đổi Cơ quan Trung ương của mình, Bên đó sẽ thông báo ngay bằng văn bản cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 9

Bắt khẩn cấp

1. Trong trường hợp khẩn cấp, một Bên có thể yêu cầu bắt khẩn cấp người bị yêu cầu dẫn độ trong khi chờ yêu cầu dẫn độ chính thức.

2. Yêu cầu bắt khẩn cấp sẽ được lập bằng văn bản hoặc nếu có thể, bất kỳ phương tiện nào có thể tạo ra hồ sơ bằng văn bản và phải được chuyển trực tiếp thông qua các kênh được quy định tại Điều 8 Hiệp định này hoặc thông qua Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) hoặc các kênh khác do các Bên thỏa thuận.

3. Yêu cầu bắt khẩn cấp phải có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Hiệp định này, tuyên bố về sự tồn tại các tài liệu quy định tại các khoản 3 và 4 của Điều 6 và tuyên bố khẳng định yêu cầu dẫn độ chính thức đối với người đó sẽ được gửi sau yêu cầu bắt khẩn cấp.

4. Khi nhận được yêu cầu bắt khẩn cấp, Bên được yêu cầu sẽ tiến hành các thủ tục cần thiết để bảo đảm việc bắt giữ người bị yêu cầu bắt khẩn cấp và thông báo ngay kết quả cho Bên yêu cầu.

5. Người bị bắt khẩn cấp sẽ được trả tự do nếu Bên yêu cầu không gửi yêu cầu dẫn độ kèm theo các tài liệu được quy định tại Điều 6 trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày bắt giữ, với điều kiện là việc trả tự do này sẽ không cản trở việc tiến hành các thủ tục tố tụng để dẫn độ người này nếu sau đó lại nhận được yêu cầu dẫn độ.

ĐIỀU 10

Đồng ý dẫn độ

Khi người bị yêu cầu dẫn độ bày tỏ nguyện vọng với tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu về việc đồng ý việc dẫn độ bằng văn bản, Bên được yêu cầu sẽ, trong phạm vi được pháp luật của quốc gia mình cho phép, thực hiện tất cả các biện pháp cần thiết để đẩy nhanh việc dẫn độ.

ĐIỀU 11

Nhiều yêu cầu dẫn độ đối với một người

1. Trong trường hợp nhận được nhiều yêu cầu dẫn độ từ Bên yêu cầu và một hoặc nhiều quốc gia khác đối với cùng một người về cùng một tội phạm hoặc nhiều tội phạm khác nhau, thì Bên được yêu cầu sẽ quyết định dẫn độ người đó cho một trong các quốc gia nói trên và thông báo quyết định của mình cho các quốc gia này.

2. Khi quyết định dẫn độ một người cho một quốc gia nào đó, Bên được yêu cầu phải xem xét tất cả các yếu tố liên quan, và đặc biệt là các yếu tố sau:

a) Các yêu cầu dẫn độ có được lập theo các hiệp định hay không;

b) Quốc tịch của người bị yêu cầu dẫn độ;

c) Mức độ nghiêm trọng của các tội phạm nếu các yêu cầu dẫn độ liên quan đến nhiều tội phạm khác nhau;

d) Thời gian và địa điểm thực hiện mỗi tội phạm;

e) Thứ tự nhận được yêu cầu dẫn độ từ các quốc gia yêu cầu;

f) Nơi thường trú của người bị yêu cầu dẫn độ;

g) Lợi ích riêng của các quốc gia yêu cầu;

h) Quốc tịch của người bị hại; và

i) Khả năng dẫn độ tiếp theo giữa các quốc gia yêu cầu.

3. Trong Điều này, thuật ngữ "các quốc gia" nghĩa là các quốc gia được quy định theo luật quốc tế và bao gồm bất kỳ vùng lãnh thổ nào của một quốc gia được ủy quyền đầy đủ bởi chính phủ có chủ quyền của quốc gia đó để đưa ra các yêu cầu dẫn độ.

ĐIỀU 12

Dẫn độ cho quốc gia thứ ba

Trong trường hợp một người đã bị Bên được yêu cầu tiến hành dẫn độ cho Bên yêu cầu, Bên yêu cầu đầu tiên sẽ không được dẫn độ người đó cho bất kỳ quốc gia thứ ba nào vì một tội thực hiện trước khi người đó bị dẫn độ trừ khi:

1. Bên được yêu cầu đồng ý việc dẫn độ đó. Bên được yêu cầu sẽ yêu cầu gửi văn bản đề nghị việc chấp thuận kèm theo các tài liệu quy định tại Điều 6;

2. Người đó đã có cơ hội rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu và đã không rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày người đó được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ; hoặc

3. Người đó tự nguyện quay trở lại lãnh thổ của Bên yêu cầu sau khi rời khỏi lãnh thổ đó.

ĐIỀU 13

Chuyển giao người bị yêu cầu dẫn độ

1. Ngay sau khi có quyết định về yêu cầu dẫn độ, Bên được yêu cầu sẽ thông báo quyết định đó cho Bên yêu cầu thông qua các Cơ quan Trung ương được quy định tại Điều 8 Hiệp định này.

2. Các Bên sẽ cùng nhau quyết định về thời gian và địa điểm chuyển giao người bị yêu cầu dẫn độ cho các cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

3. Bên yêu cầu sẽ dẫn giải người bị yêu cầu dẫn độ ra khỏi lãnh thổ của Bên được yêu cầu trong một thời hạn hợp lý do Bên được yêu cầu ấn định và nếu người đó không được dẫn giải trong thời hạn nêu trên thì Bên được yêu cầu có thể trả tự do cho người đó và có thể từ chối việc dẫn độ người đó về cùng tội phạm đó.

4. Nếu có tình huống phát sinh vượt quá khả năng kiểm soát, cản trở một Bên chuyển giao hoặc dẫn giải người bị dẫn độ thì Bên đó phải thông báo

cho Bên kia biết trong thời gian sớm nhất có thể. Các Bên sẽ cùng nhau quyết định về thời hạn chuyển giao hoặc dẫn giải mới và các quy định tại khoản 3 Điều này sẽ được áp dụng sau đó.

5. Trong trường hợp việc dẫn độ được thực hiện theo Hiệp định này, Bên yêu cầu sẽ phải bảo đảm rằng người bị dẫn độ được nhanh chóng đưa ra xét xử.

ĐIỀU 14

Tịch thu và chuyển giao tài sản

1. Trong phạm vi pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép và bảo đảm quyền lợi chính đáng của các bên thứ ba, Bên được yêu cầu có thể tịch thu và chuyển giao cho Bên yêu cầu tất cả tài sản được tìm thấy trên lãnh thổ của mình có liên quan đến tội phạm để có thể làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội trong trường hợp việc dẫn độ được thực hiện.

2. Theo khoản 1 Điều này, những tài sản nêu trên có thể được chuyển giao cho Bên yêu cầu nếu Bên yêu cầu đề nghị, kể cả trong trường hợp việc dẫn độ không thể thực hiện được vì người bị yêu cầu dẫn độ bị chết hoặc bỏ trốn.

3. Bên được yêu cầu có thể quyết định việc chuyển giao tài sản khi có các cam kết thỏa đáng từ Bên yêu cầu về việc sẽ hoàn trả lại các tài sản đó cho Bên được yêu cầu ngay khi có thể. Bên được yêu cầu cũng có thể hoãn việc chuyển giao các tài sản này nếu các tài sản này được sử dụng làm chứng cứ ở Bên được yêu cầu.

4. Bên yêu cầu sẽ chịu các chi phí liên quan đến việc trả lại các tài sản đã được chuyển giao.

ĐIỀU 15

Quy tắc đặc biệt

1. Người đã bị dẫn độ theo Hiệp định này sẽ không bị giam giữ, truy tố, xét xử hoặc kết án vì bất kỳ tội phạm nào được thực hiện trước khi bị dẫn độ, khác với tội phạm nêu trong yêu cầu dẫn độ hoặc người đó sẽ không bị dẫn độ cho nước thứ ba, trừ các trường hợp sau đây:

a) Người đó đã rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu sau khi bị dẫn độ và tự nguyện quay trở lại Bên yêu cầu.

b) Người đó đã không rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày người đó được tự do rời đi; hoặc

c) Bên được yêu cầu chấp thuận. Yêu cầu đề nghị chấp thuận sẽ được gửi kèm theo các tài liệu quy định tại Điều 6 Hiệp định này và bất kỳ lời khai nào của người bị dẫn độ liên quan đến tội phạm đã thực hiện. Việc chấp thuận có thể được đưa ra trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày tội phạm được nêu trong yêu cầu dẫn độ là tội phạm có thể dẫn độ theo quy định của Hiệp định này.

2. Khoản 1 Điều này sẽ không áp dụng đối với các tội phạm được thực hiện sau khi dẫn độ.

ĐIỀU 16

Quá cảnh

1. Trong phạm vi được pháp luật nước mình cho phép, một Bên có thể cho phép người bị dẫn độ quá cảnh qua lãnh thổ của quốc gia mình để tới Bên kia từ một quốc gia thứ ba. Bên người bị dẫn độ được chuyển đến sẽ yêu cầu Bên kia cho phép người đó quá cảnh qua lãnh thổ của quốc gia mình bằng văn bản, thông qua kênh ngoại giao.

2. Trong trường hợp sử dụng đường hàng không và không dự định hạ cánh trên lãnh thổ của Bên kia, thì không yêu cầu phải xin phép quá cảnh. Nếu tiến hành việc hạ cánh không dự định trước, thì Bên người bị dẫn độ được chuyển đến có thể yêu cầu cho phép quá cảnh phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.

ĐIỀU 17

Thông báo kết quả

Bên yêu cầu sẽ thông báo kịp thời cho Bên được yêu cầu các thông tin liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc thi hành hình phạt đối với người bị dẫn độ hoặc việc dẫn độ người đó cho quốc gia thứ ba.

ĐIỀU 18

Đại diện và Chi phí

1. Bên được yêu cầu sẽ tham vấn, hỗ trợ, trình diện tại tòa để đại diện cho Bên yêu cầu và trình bày các mong muốn của Bên yêu cầu trong bất kỳ giai đoạn tố tụng nào phát sinh từ yêu cầu dẫn độ.

2. Bên được yêu cầu sẽ chịu các chi phí phát sinh trên lãnh thổ của mình liên quan đến việc bắt và giam giữ người bị yêu cầu dẫn độ cho đến khi chuyển giao người đó cho một người được chỉ định bởi Bên yêu cầu.

3. Bên yêu cầu sẽ chịu các chi phí phát sinh trong việc đưa người bị dẫn độ ra khỏi lãnh thổ của Bên được yêu cầu và các chi phí liên quan đến quá cảnh.

4. Bên yêu cầu sẽ chịu các chi phí liên quan đến dịch thuật, phiên dịch và sao chụp các tài liệu được quy định để hỗ trợ yêu cầu dẫn độ theo Hiệp định này và việc áp giải người đã được chuyển giao.

5. Trong trường hợp các chi phí phát sinh lớn hoặc bất thường, các Bên sẽ tham vấn để đi đến quyết định cách thức chi trả các chi phí.

ĐIỀU 19

Tham vấn

Vì mục đích thúc đẩy việc sử dụng có hiệu quả nhất đối với Hiệp định này, các Bên sẽ tham vấn với nhau thông qua các Cơ quan Trung ương về việc giải thích, áp dụng hoặc thực hiện Hiệp định này.

ĐIỀU 20

Giải quyết bất đồng

Mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích, áp dụng hoặc thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán giữa các Cơ quan Trung ương. Trường hợp các Cơ quan Trung ương không giải quyết được bất đồng, các Bên sẽ giải quyết bất đồng thông qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 21

Mối quan hệ với các điều ước quốc tế

Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các Bên phát sinh từ các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đa phương và song phương mà các Bên là thành viên.

ĐIỀU 22

Hiệu lực, Sửa đổi và Chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Một Bên sẽ thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc đã hoàn thành các thủ tục cần thiết theo quy định của nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) kể từ ngày nhận được thông báo hiệu lực sau cùng.

2. Hiệp định này có thể được sửa đổi trên cơ sở có sự thống nhất bằng văn bản giữa các Bên. Bất kỳ sửa đổi nào đối với Hiệp định này sẽ có hiệu lực theo cùng cách thức như chính Hiệp định này.

3. Khi Hiệp định này có hiệu lực, các điều từ 54 đến 69 của Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ ký ngày 17/4/2000 sẽ chấm dứt hiệu lực.

4. Hiệp định này có giá trị vô thời hạn. Tuy nhiên, một Bên có thể chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này bằng việc gửi thông báo bằng văn bản vào bất kỳ thời điểm nào thông qua kênh ngoại giao. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày thứ một trăm tám mươi (180) sau ngày Bên kia nhận được thông báo bằng văn bản đó. Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định sẽ không ảnh hưởng đến việc xử lý yêu cầu dẫn độ nhận được trước ngày việc chấm dứt Hiệp định có hiệu lực.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây, được nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Mông Cổ, ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này được làm thành hai (02) bản tại U-lan Ba-to vào ngày 10 tháng 7 năm 2019 bằng tiếng Việt, tiếng Mông Cổ và tiếng Anh, mỗi bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp nảy sinh bất đồng trong việc giải thích Hiệp định này thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT MÔNG CỔ**
Đại tướng TÔ LÂM **Bộ trưởng Bộ Công an**	**TSEND NYAMDORJ** **Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Nội vụ**

TREATY

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

MONGOLIA

ON

EXTRADITION

TREATY
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
MONGOLIA
ON
EXTRADITION

The Socialist Republic of Viet Nam and Mongolia (hereinafter referred to individually as the "Party" and collectively as the "Parties");

DESIRING to strengthen friendly relations between the two countries;

RECOGNIZING the need to provide for more effective cooperation between the two countries in the suppression of crime;

HAVE AGREED as follows:

ARTICLE 1

Obligation to Extradite

Each Party agrees to extradite to the other Party, in accordance with the provisions of this Treaty, any person who is found in its territory and sought by the other Party for prosecution, or enforcement of a sentence for an extraditable offence.

ARTICLE 2

Extraditable Offences

1. For the purposes of this Treaty, extraditable offences are offences however described which are punishable under the laws of the Parties by imprisonment for a period of at least one (01) year or by a more severe penalty.

2. Where the request for extradition relates to a person who is wanted for the enforcement of a sentence of imprisonment, extradition shall be granted only if a period of at least six (06) months of such penalty remains to be served.

3. For the purposes of this Article, in determining whether an offence is an offence against the laws of the Parties:

a) it shall not matter whether the laws of the Parties place the conduct constituting the offence within the same category of offence or denominate the offence by the same terminology;

b) the totality of the conduct alleged against the person whose extradition is sought shall be taken into account and it shall not matter whether, under the laws of the Parties, the constituent elements of the offence differ.

4. Where extradition of a person is sought for an offence against a law relating to taxation, customs duties, foreign exchange control or other revenue matters, extradition may not be refused on the ground that the law of the Requested Party does not impose the same kind of tax or duty or does not contain a tax, duty, customs, or exchange regulation of the same kind as the law of the Requesting Party.

5. Where the offence has been committed outside the territory of the Requesting Party, extradition shall be granted, pursuant to this Treaty, where the law of the Requested Party provides for the punishment of an offence committed outside its territory in similar circumstances. Where the law of the Requested Party does not so provide, the Requested Party may, in its discretion, grant extradition.

6. Extradition may be granted under this Treaty on the following conditions:

a) the conduct in respect of which extradition is sought constituted an offence in the Requesting Party at the time it occurred; and

b) the conduct would, if it had taken place in the territory of the Requested Party at the time the request for extradition was received, have constituted an offence in that Party.

ARTICLE 3

Exceptions to Extradition

1. Extradition shall be refused if:

a) the Requested Party has substantial grounds for believing that a request for extradition for an ordinary criminal offence has been made for the purpose of prosecuting or punishing a person on account of that person's race,

ethnic origin, gender, language, religion, nationality, political opinion or other status, or that person's position may be prejudiced for any of those reasons;

b) the person whose extradition is sought has been acquitted or pardoned, or has undergone the punishment provided by the law of the Requested Party, or a third State, in respect of the offence for which the person's extradition is sought;

c) the person whose extradition is sought has, according to the law of either Party, become immune from prosecution or punishment by reason of lapse of time;

d) the offence of which the person sought is accused or convicted, or any other offence for which that person may be detained or tried in accordance with this Treaty, carries the death penalty under the law of the Requesting Party, unless that Party undertakes that the death penalty will not be imposed or, if imposed, will not be carried out; or

e) the Requested Party has substantial grounds for believing that the person whose extradition is sought would be subjected in the Requesting Party to torture and other cruel, inhuman or degrading treatment or punishment.

2. Extradition may be refused if:

a) the offence for which extradition is sought is regarded by the Requested Party as a political offence. The Parties will not consider as a political offence the taking or attempted taking of the life or an attack on the person of a Head of State or a member of his or her family, or conduct which is required to be punishable as a criminal offence under multilateral treaties to which they are parties;

b) the offence for which extradition is sought is regarded by the Requested Party as an offence under military law, but not an offence under the ordinary criminal law of the Requested Party;

c) the offence for which extradition is sought is regarded under the law of the Requested Party as having been committed in whole or in part within that Party;

d) a prosecution is respect of the offence for which extradition is sought is pending in the Requested Party against the person whose extradition is sought;

e) the person whose extradition is sought has been sentenced or would be liable to be tried or sentenced in the Requesting Party by an extraordinary or *ad hoc* court or tribunal; or

f) the Requested Party, while taking into account the seriousness of the offence and the interests of the Requesting Party, considers that the extradition of the person would be unjust or oppressive, or, in exceptional cases, because of the personal circumstances of the person sought, the extradition would be incompatible with humanitarian considerations.

3. In the case of refusal of extradition, the Requested Party is required to inform the Requesting Party of this in writing as soon as possible with reasons for such refusal.

ARTICLE 4

Temporary and Deferred Extradition

1. When the person sought is being proceeded against or is serving a sentence in the Requested Party for an offence other than that for which extradition is requested, the Requested Party may postpone the extradition of the person sought until the conclusion of the proceedings or completion of the sentence imposed. The Requested Party shall inform the Requesting Party of any postponement.

2. If the request for extradition is made in respect of a person who is being proceeded against by the Requested Party, the Requested Party may, even if such person is convicted and sentenced to imprisonment, proceed with the proceedings for extradition and upon a decision for extradition being made, and temporarily extradite that person to the Requesting Party for the purpose of prosecution.

3. Where a person is temporarily extradited, that person shall be kept in custody by the Requesting Party after the conclusion of the proceedings against the person, in accordance with conditions to be mutually determined by the Parties.

ARTICLE 5

Extradition of Nationals

1. Neither of the Parties shall extradite its own nationals.

2. Where the Requested Party refuses extradition of its national in relation to an offence pursuant to paragraph 1 of this Article and the courts in

the Requested Party have jurisdiction over the offence, the Requested Party shall submit the case to its competent authorities in order that proceedings for the prosecution of the person in respect of all or any of the offences for which extradition has been sought may be taken if that is considered appropriate.

ARTICLE 6

Extradition Procedures and Required Documents

1. The request for extradition shall be made in writing and transmitted directly between the Central Authorities provided in Article 8 of this Treaty.

2. The request for extradition shall include or be accompanied by:

a) date and place of the request for extradition;

b) name and address of the requesting authority;

c) as accurate a description as possible of the person sought, together with any other information which would help to establish the person's identity and nationality including, when possible, photographs and fingerprints and, if known, the location of the person;

d) a description of the facts of the case alleged to constitute the offence, a description of the offence for which extradition is sought, including the time and place of commission of the offence and the applicable penalty provided for them under the law; and

e) a text of the laws determining the offence and the punishment and the laws related to any time limit that is imposed on the institution of proceedings or on the execution of any punishment imposed for that offence.

3. When the request for extradition relates to an accused person, it shall also be accompanied by a copy of the warrant of arrest issued by a judge, or other competent authorities of the Requesting Party.

4. When the request for extradition relates to a convicted person, in addition to those items required by paragraph 3 of this Article, it shall be accompanied by a copy of the judgment of the conviction rendered by a court of the Requesting Party. If the person has been convicted and sentenced, the request for extradition shall also be supported by a statement showing to what extent the sentence has been carried out. If the person has been convicted but not sentenced, the request for extradition shall also be accompanied by a statement to that effect.

5. Requests for extradition, supporting documents and other communications made pursuant to this Treaty shall be officially signed and sealed by the competent authority of the Requesting Party and accompanied by translations into English language in case these documents are made in the official language of the Requesting Party.

ARTICLE 7

Additional Information

1. If the Requested Party considers that the information furnished in support of a request for extradition is not sufficient in accordance with this Treaty to enable extradition to be granted, that Party may request that additional information be furnished within such time as it specifies.

2. If the person whose extradition is sought is in custody and the additional information furnished is not sufficient in accordance with this Treaty or is not received within the time specified, the person may be discharged from custody. Such discharge shall not preclude the Requesting Party from making a fresh request for the extradition of the person.

3. Prior to release of a person from custody in accordance with paragraph 2 of this Article, the Requested Party shall notify the Requesting Party as soon as practicable.

ARTICLE 8

Central Authorities

1. The Central Authority for the Socialist Republic of Viet Nam shall be the Ministry of Public Security. The Central Authority for the Mongolia shall be the Ministry of Justice and Home Affairs.

2. The Central Authorities of the Parties shall process requests for extradition in accordance with the provisions of this Treaty and the law of each Party.

3. In case either Party changes its Central Authority, it shall promptly notify in writing the other Party through the diplomatic channel.

ARTICLE 9

Provisional Arrest

1. In case of urgency, either Party may request the provisional arrest of the person sought pending the presentation of the request for extradition.

2. A request for provisional arrest shall be made in writing or, where possible, by any means capable of producing a written record and transmitted directly through the channels provided for in Article 8 of this Treaty or the International Criminal Police Organization (INTERPOL) or the other channels agreed to by the Parties.

3. The request for provisional arrest shall include the contents indicated in paragraph 2 of Article 6 of this Treaty, a statement of the existence of documents indicated in paragraphs 3 and 4 of that Article and a statement that a formal request for extradition of the person sought will follow the provisional arrest.

4. On receipt of such an application, the Requested Party shall take the necessary steps to secure arrest of the person for whom provisional arrest is requested and the Requesting Party shall be promptly notified of the result of its request for provisional arrest.

5. The person provisionally arrested shall be discharged if the Requesting Party fails to present the request for extradition, accompanied by the documents specified in Article 6, within sixty (60) days from the date of arrest, provided that this shall not prevent the institution of proceedings with a view to extraditing the person sought if the request for extradition is subsequently received.

ARTICLE 10

Extradition by Consent

When a person sought advises a court or other competent authorities of the Requested Party that the person consents in writing to extradition, the Requested Party shall, to the extent permitted under its laws, take all the necessary measures to expedite the extradition.

ARTICLE 11

Concurrent Requests

1. Where requests are received from the Requesting Party and one or more other States for the extradition of the same person either for the same offence or for different offences, the Requested Party shall determine to which of those States the person is to be extradited and shall notify those States of its decision.

2. In determining to which State a person is to be extradited, the Requested Party shall have regard to all the relevant circumstances and, in particular, to:

a) whether the requests for extradition were made pursuant to any treaties;

b) the nationality of the person sought;

c) the relative seriousness of the offences, if the requests for extradition relate to different offences;

d) the time and place of commission of each offence;

e) the order in which the requests for extradition were received from the requesting States;

f) the ordinary place of residence of the person sought;

g) the respective interests of the requesting States;

h) the nationality of the victim; and

i) the possibility of further extradition between the requesting States.

3. In this Article, the term "States" means States as defined under international law and includes any territory of a State duly authorized by the sovereign government of that State to make extradition requests.

ARTICLE 12

Extradition to a Third State

Where a person has been extradited to the Requesting Party by the Requested Party, the first-mentioned Party shall not extradite that person to any third State for an offence committed before that person's extradition unless:

1. the Requested Party consents to the extradition. A request for consent shall be accompanied by such of the documents mentioned in Article 6 as are sought by the Requested Party;

2. the person has had an opportunity to leave the territory of the Requesting Party and has not done so within forty-five (45) days of final discharge in respect of the offence for which the person was extradited; or

3. the person has voluntarily returned to the territory of the Requesting Party after leaving it.

ARTICLE 13

Surrender of the Person Sought

1. The Requested Party shall, as soon as a decision on the request for extradition has been made, communicate that decision to the Requesting Party between the Central Authorities provided in Article 8 of this Treaty.

2. The Parties shall mutually decide the date and place of surrender of the person sought to the appropriate authorities of the Requesting Party in the territory of the Requested Party.

3. The Requesting Party shall remove the person from the territory of the Requested Party within such reasonable period as the Requested Party specifies and, if the person is not removed within that period, the Requested Party may discharge the person and may refuse extradition for the same offence.

4. If circumstances beyond its control prevent a Party from surrendering or removing the person to be extradited, it shall notify the other Party as soon as reasonably practicable. The Parties shall mutually decide upon a new date of surrender or removal, and the provisions of paragraph 3 of this Article shall apply thereafter.

5. Where extradition is granted under this Treaty, the Requesting Party shall ensure that the person extradited is brought to trial expeditiously.

ARTICLE 14

Seizure and Surrender of Property

1. To the extent permitted under its law and subject to the rights of third parties, which shall be duly respected, the Requested Party may seize and surrender to the Requesting Party all property found in its territory connected to the offence, which may be material as evidence in proving the offence in respect of which extradition is granted.

2. Subject to paragraph 1 of this Article, the above-mentioned property may, if the Requesting Party so requests, be surrendered to the Requesting Party even if extradition cannot be carried out owing to the death or escape of the person sought.

3. The Requested Party may condition the surrender of the property upon satisfactory assurances from the Requesting Party that the property will be returned to the Requested Party as soon as practicable. The Requested

Party may also defer surrender of such property if it is needed as evidence in the Requested Party.

4. The Requesting Party shall bear the cost of the return of any property surrendered.

ARTICLE 15

Rule of Specialty

1. A person who has been extradited under this Treaty shall not be detained, prosecuted, tried or punished for any offence committed before extradition other than that for which extradition has been granted, nor shall that person be extradited to a third state, except in any of the following circumstances:

a) when that person has left the territory of the Requesting Party after extradition and has voluntarily returned to it;

b) when that person has not left the territory of the Requesting Party within forty five (45) days after being free to do so; or

c) when the Requested Party consents. A request for consent shall be submitted, accompanied by the documents mentioned in Article 6 of this Treaty and a record of any statement made by the extradited person in respect of the offence concerned. Consent may be given within forty-five (45) days when the offence for which it is requested is extraditable in accordance with the provisions of this Treaty.

2. Paragraph 1 of this Article shall not apply to offences committed after the extradition.

ARTICLE 16

Transit

1. To the extent permitted under its laws, either Party may authorize transit through its territory of a person extradited to the other Party by a third State. The Party to which the person is to be extradited shall request the other Party to permit the transit of that person through its territory in writing through the diplomatic channel.

2. A permit for transit shall not be required if the air transport is used and no landing in the territory of the other Party of scheduled transit. In the event of an unscheduled landing, the Party to which the person is to be

extradited may request a permit of the transit in accordance with paragraph 1 of this Article.

ARTICLE 17

Notification of the Results

The Requesting Party shall notify the Requested Party in time of the information relating to the proceedings against or the execution of punishment upon the person extradited or the extradition of that person to a third State.

ARTICLE 18

Representation and Expenses

1. The Requested Party shall advise, assist, appear in court on behalf of the Requesting Party, and represent the interests of the Requesting Party, in any proceedings arising out of a request for extradition.

2. The Requested Party shall bear the expenses incurred in its territory in the arrest of the person whose extradition is sought, and in the maintenance in custody of the person until surrendering to the persons nominated by the Requesting Party.

3. The Requesting Party shall bear the expenses incurred in removing the person extradited from the territory of the Requested Party, as well as the expenses related to the transit.

4. The Requesting Party shall bear the expenses related to the translation, interpretation and transcription of documents provided in support of a request for extradition under this Treaty and the transportation of the person surrendered.

5. Where expenses are of a substantial or extraordinary nature, the Parties shall consult to determine the manner in which the costs shall be borne.

ARTICLE 19

Consultation

For the purpose of promoting the most effective use of this Treaty, the Parties shall consult with each other through the Central Authorities concerning the interpretation, application or implementation of this Treaty.

ARTICLE 20

Settlements of Disputes

Any dispute arising out of the interpretation, application or implementation of this Treaty shall be resolved through negotiations between the Central Authorities. If the Central Authorities are unable to reach an agreement, the dispute shall be resolved by the Parties through the diplomatic channel.

ARTICLE 21

Relationship with Multilateral Conventions

This Treaty shall not be prejudice the rights and obligations of the Parties under any multilateral and bilateral agreements and treaties to which they both are parties.

ARTICLE 22

Entry into Force, Amendment and Termination

1. Each Party shall inform the other Party, in writing, of the completion of its necessary procedures required for the entry into force of this Treaty. The Treaty shall come into force on the thirtieth (30^{th}) day from the date of receipt of the last notification.

2. This Treaty may be amended in writing by mutual consent. Any amendment to this Treaty shall come into force in the same manner as the Treaty itself.

3. Upon the entry into force of this Treaty, Articles 54 to 69 of the Treaty on Mutual Legal Assistance in Civil, Family Law and Criminal Matters between the Socialist Republic of Viet Nam and Mongolia signed on 17 April 2000, shall cease to have any effect.

4. This Treaty shall remain in force for an indefinite period. However, either Party may, by notice in writing through the diplomatic channel, terminate this Treaty at any time. The termination shall take effect on the one hundred and eightieth (180^{th}) day after the date on which it is notified in writing to the other Party. Termination shall not affect the processing of any request for extradition received prior to such termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized thereto by the Socialist Republic of Viet Nam and Mongolia, have signed this Treaty.

DONE in duplicate at Ulaanbaatar on the 10th day of July 2019, in the Vietnamese, Mongolian and English languages, each language version being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	**FOR MONGOLIA**
General TO LAM **Minister of Public Security**	**TSEND NYAMDORJ** **Minister for Justice and Home Affairs**

ГЭМТ ЭТГЭЭД ШИЛЖҮҮЛЭХ ТУХАЙ

БҮГД НАЙРАМДАХ СОЦИАЛИСТ ВЬЕТНАМ УЛС

БОЛОН

МОНГОЛ УЛС

ХООРОНДЫН ГЭРЭЭ

ГЭМТ ЭТГЭЭД ШИЛЖҮҮЛЭХ ТУХАЙ БҮГД НАЙРАМДАХ СОЦИАЛИСТ ВЬЕТНАМ УЛС БОЛОН МОНГОЛ УЛС ХООРОНДЫН ГЭРЭЭ

Бүгд Найрамдах Социалист Вьетнам Улс болон Монгол Улс (цаашид бие даан "тал", хамтдаа "талууд" гэх);

хоёр орны найрамдалт харилцааг бэхжүүлэхийг *эрмэлзэн*;

гэмт хэргийг таслан зогсооход хоёр орны хооронд илүү үр дүнтэй хамтын ажиллагаа шаардлагатайг *хүлээн зөвшөөрч*;

дараахь зүйлийг хэлэлцэн *тохиролцов*. Үүнд:

1 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ

Гэмт этгээдийг шилжүүлэн өгөх үүрэг

Талууд энэхүү гэрээний заалтын дагуу өөрсдийн нутаг дэвсгэр дээр байгаа болон нөгөө талаас шүүн таслах ажиллагаа явуулах, эсхүл шилжүүлбэл зохих гэмт хэрэгт ял оногдуулах зорилгоор шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийг харилцан шилжүүлэн өгч байхаар тохиролцов.

2 ДУГААР ЗҮЙЛ

Шилжүүлбэл зохих гэмт хэрэг

1. Энэхүү гэрээний зорилгоор гэмт этгээдийг шилжүүлбэл зохих гэмт хэрэг гэдэг нь талуудын хууль тогтоомжийн дагуу нэг (1) жилээс доошгүй хугацаагаар хорих ял, эсхүл түүнээс хүнд ял оногдуулахаар заасан гэмт хэргийг хэлнэ.

2. Гэмт этгээдийг шилжүүлэх тухай хүсэлт нь шүүхээс хорих ял оногдуулахаар аливаа этгээдийг шилжүүлэхтэй холбогдолтой бөгөөд оногдуулах ялын үлдсэн хугацаа нь зургаан (6) сараас доошгүй бол гэмт этгээдийг шилжүүлэн өгнө.

3. Энэ зүйлийн зорилгоор, гэмт хэргийг талуудын хууль тогтоомжийг зөрчсөн эсэхийг тогтоохдоо:

a) талуудын хууль тогтоомжид гэмт хэргийг бүрдүүлж буй үйлдлийг хуулийн нэг зүйлээр зүйлчлэх, эсхүл ижил нэр томьёогоор тодорхойлж буй эсэхийг үл харгалзана;

b) шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийн үйлдсэн үйлдлийг нийтэд нь харгалзан үзэж, гэмт хэргийг бүрэлдүүлж буй үйлдэл, эс үйлдлийг талуудын хууль тогтоомжид өөр өөрөөр заасан эсэхийг үл харгалзана.

4. Шилжүүлэхийг хүссэн этгээд нь татвар, гаалийн хураамж, гадаад валютын солилцооны хяналт болон бусад орлоготой холбоотой хуулийг зөрчсөн бол хүсэлт хүлээн авагч талын хуулиар ижил төрлийн татвар буюу хураамж оногдуулдаггүй, эсхүл хүсэлт гаргагч талын хуульд заасантай ижил төрлийн татвар, хураамж, гааль буюу валютын асуудлаар зохицуулалтгүй гэсэн үндэслэлээр шилжүүлэн өгөхөөс татгалзахгүй.

5. Хэрэв гэмт хэрэг хүсэлт гаргагч талын нутаг дэвсгэрээс гадна үйлдэгдсэн боловч хүсэлт хүлээн авагч талын хууль тогтоомжид өөрийн нутаг дэвсгэрээс гадна ижил төстэй нөхцөлд үйлдэгдсэн гэмт хэрэгт ял оногдуулахаар заасан бол гэмт этгээдийг шилжүүлэн өгнө. Хэрэв хүсэлт хүлээн авагч талын хууль тогтоомжид ийнхүү заагаагүй бол хүсэлт хүлээн авагч тал гэмт этгээдийг шилжүүлэн өгөх эсэхийг өөрөө шийдвэрлэнэ.

6. Энэхүү гэрээний дагуу дараахь тохиолдолд гэмт этгээдийг шилжүүлж болно. Үүнд:

a) гэмт үйлдэл, эс үйлдэл гарах үед тэдгээр нь хүсэлт гаргагч талын хуулиар гэмт хэрэгт тооцогддог байх;

b) гэмт үйлдэл, эс үйлдэл нь хэрэв гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтийг гаргах үед хүсэлт хүлээн авагч талын нутаг дэвсгэр дээр гарсан бол хүсэлт хүлээн авагч талын нутаг дэвсгэрт хүчин төгөлдөр үйлчилж байгаа хуулиар гэмт хэрэгт тооцогддог байх.

3 ДУГААР ЗҮЙЛ

Шилжүүлэн өгөхөөс татгалзах

1. Дараахь тохиолдолд гэмт этгээдийг шилжүүлэхээс татгалзана. Үүнд:

a) гэмт этгээдийг шилжүүлэн авах тухай хүсэлт нь тухайн этгээдийг арьс өнгө, үндэс угсаа, хүйс, хэл, шашин шүтлэг, иргэншил, улс төрийн үзэл бодол болон бусад байдлаар нь ял шийтгэх гэж байгаа, эсхүл шүүн таслах ажиллагааны үеэр дээрх шалтгаанаар хохироох бодитой үндэслэлтэй хэмээн хүсэлт хүлээн авагч тал үзсэн бол;

b) шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийг шилжүүлэн авахаар хүсэлт болгосон тухайн гэмт хэрэгт холбогдуулан хүсэлт хүлээн авагч талын, эсхүл гуравдагч улсын хууль тогтоомжийн дагуу цагаатгасан, өршөөл үзүүлсэн болон шийтгэл оногдуулсан бол;

c) хэлэлцэн тохирогч талуудын хууль тогтоомжийн дагуу шилжүүлбэл зохих гэмт хэргийн хөөн хэлэлцэх хугацаа дууссаны улмаас шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийг шүүн таслах болон яллахгүй болсон;

d) гэмт этгээдийг шилжүүлэн авах хүсэлт гаргасан талын хуулиар уг этгээд цаазаар авах ял оногдуулах гэмт хэрэг үйлдсэн, харин хүсэлт хүлээн авсан талын хуулиар уг гэмт хэрэгт цаазаар авах ял оногдуулахааргүй бол хүсэлт гаргасан талаас хүсэлт хүлээн авсан талд цаазаар авах ял оногдуулахгүй гэсэн хангалттай баталгаа гаргаж өгөхгүй бол;

e) хүсэлт гаргагч тал шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийг эрүүдэн шүүх болон бусад хэлбэрээр хүний бие махбодыг доройтуулах болон хэрцгий хандах бодитой үндэслэлтэй хэмээн хүсэлт хүлээн авагч тал үзсэн бол.

2. Дараахь тохиолдолд гэмт этгээдийг шилжүүлэхээс татгалзаж болно. Үүнд:

a) Хүсэлт хүлээн авагч талын хувьд шилжүүлэхийг хүссэн гэмт хэрэг нь улс төрийн шинжтэй гэмт хэрэгт хамаарахаар бол. Төрийн тэргүүн болон түүний гэр бүлийн гишүүдийн амь насанд халдсан, халдахаар завдсан үйлдэл, эсхүл талуудын нэгдэн орсон олон талт олон улсын гэрээгээр эрүүгийн гэмт хэрэгт тооцогдохоор заасан бол улс төрийн гэмт хэрэгт хамааруулахгүй;

b) хүсэлт хүлээн авагч талын хувьд гэмт этгээдийг шилжүүлэхийг хүссэн гэмт хэрэг нь цэргийн хуулиар шийтгэгдэх гэмт хэрэг бөгөөд хүсэлт хүлээн авагч талын эрүүгийн хуульд хамааралгүй бол;

c) хүсэлт хүлээн авагч талын хуулиар шилжүүлэхийг хүссэн гэмт хэрэг нь өөрийн нутаг дэвсгэр дээр бүхэлдээ, эсхүл хэсэгчлэн үйлдэгдсэн хэмээн үзсэн бол;

d) хүсэлт хүлээн авагч талд шилжүүлбэл зохих гэмт хэрэгт холбогдуулан шилжүүлэхийг хүссэн этгээдэд эрүүгийн хэрэг хянан шийдвэрлэх ажиллагаа явагдаж байгаа бол;

e) шилжүүлэхийг хүссэн этгээд ял шийтгүүлсэн, эсхүл хүсэлт гаргагч талд тусгай, түр зуурын болон хөндлөнгийн шүүхээр шүүн таслах ажиллагаа явуулах болон ял шийтгүүлэх гэж байгаа бол;

f) хүсэлт хүлээн авагч тал тухайн гэмт хэргийн хүнд, хөнгөн болон хүсэлт гаргагч талын ашиг сонирхлыг харгалзан үзэхийн хамтаар, шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийн хувийн нөхцөл байдлаас шалтгаалан ийнхүү шилжүүлэн өгөх нь хүмүүнлэгийн үүднээс нийцэхгүй байна хэмээн үзэж байгаа бол;

3. Хүсэлт хүлээн авагч тал шилжүүлэн өгөхөөс татгалзсан тохиолдолд хүсэлт гаргагч талд татгалзаж буй үндэслэлээ даруй бичгээр мэдэгдэнэ.

4 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ

Түр шилжүүлэх болон шилжүүлэн өгөхийг хойшлуулах

1. Хүсэлт хүлээн авагч талд шилжүүлэхийг хүссэн этгээд шилжүүлбэл зохих гэмт хэргээс өөр гэмт хэрэгт шалгагдаж байгаа, эсхүл ял эдэлж байгаа бол хүсэлт хүлээн авагч тал хянан шийдвэрлэх ажиллагаа дуусах хүртэл, эсхүл оногдуулсан ялыг эдэлж дуусах хүртэл тухайн этгээдийг шилжүүлэн өгөхийг хойшлуулж болно. Хүсэлт хүлээн авагч тал хойшлуулж байгаа тухайгаа хүсэлт гаргагч талд мэдэгдэнэ.

2. Хүсэлт хүлээн авагч талд шалгагдаж байгаа этгээдийг шилжүүлэн авах тухай хүсэлт гаргавал хүсэлт хүлээн авагч тал тухайн этгээдийн гэм

буруутай нь тогтоогдож хорих ялаар шийтгэгдсэн хэдий ч шилжүүлэн авах хүсэлтийн хүрээнд гэмт этгээдийг шилжүүлэх ажиллагааны дагуу хэрэг хянан шийдвэрлэх ажиллагаа явуулах зорилгоор хүсэлт гаргагч талд түр шилжүүлж болно.

3. Талууд тогтоосон нөхцөлийн дагуу харилцан зөвшилцөж түр хугацаагаар шилжүүлэн өгсөн этгээдийг хэрэг хянан шийдвэрлэх ажиллагаа явуулж дууссаны дараа хүсэлт гаргагч тал түүнийг түр саатуулан хорино.

5 ДУГААР ЗҮЙЛ

Иргэнийг шилжүүлэх

1. Аль ч тал өөрийн улсын иргэнийг шилжүүлэн өгөхгүй.

2. Хүсэлт хүлээн авагч тал энэ зүйлийн 1 дэх хэсэгт заасны дагуу өөрийн улсын иргэнийг шилжүүлэн өгөхөөс татгалзвал хүсэлт хүлээн авагч талын шүүх уг гэмт хэргийг харьяалан хянан шийдвэрлэнэ. Шаардлагатай гэж үзвэл хүсэлт хүлээн авагч тал шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийг шилжүүлбэл зохих гэмт хэргүүдийн бүгдэд нь, эсхүл аль нэгэнд хянан шийдвэрлэх ажиллагаа явуулахаар өөрийн эрх бүхий байгууллагад шилжүүлнэ.

6 ДУГААР ЗҮЙЛ

Гэмт этгээдийг шилжүүлэн өгөх журам, шаардагдах бичиг баримт

1. Гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтийг бичгээр үйлдэж, энэхүү гэрээний 8 дугаар зүйлд заасан эрх бүхий төв байгууллага хооронд шууд дамжуулна.

2. Гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтэд дараахь зүйлийг хавсаргана. Үүнд:

a) гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтийн огноо, газар;

b) хүсэлт гаргагч байгууллагын нэр, хаяг;

c) шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийн үнэн зөв мэдээлэл, тухайн этгээдийн хувийн шинж болон иргэний харьяаллыг тогтооход хэрэг болох бусад мэдээлэл, боломжтой тохиолдолд зураг, хурууны хээ, тухайн этгээдийн байршил;

d) гэмт хэргийн бүрэлдэхүүн болон шилжүүлбэл зохих гэмт хэргийн талаарх тайлбар, үүнд гэмт хэрэг үйлдэгдсэн хугацаа болон газар түүнчлэн хуулийн дагуу оногдуулбал зохих шийтгэлийн мэдээлэл;

e) тухайн гэмт хэрэг, түүнд оногдуулах ял шийтгэл болон уг хэргийн хөөн хэлэлцэх хугацаа, эсхүл тухайн хэрэгт ялыг гүйцэтгэх ажиллагаа зэргийг заасан хуулийн холбогдох заалтын эшлэл;

3. Яллагдагч этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтэд хүсэлт гаргагч талын шүүгч, эсхүл бусад эрх бүхий байгууллагын баривчлах тогтоолын хуулбарыг хавсаргана.

4. Гэм буруутай нь тогтоогдсон этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтэд энэ зүйлийн 3 дахь хэсэгт заасан шаардлагаас гадна хүсэлт гаргагч талын шүүхийн хүчин төгөлдөр болсон таслан шийдвэрлэх тогтоолын хуулбарыг хавсаргана. Хэрэв тухайн этгээд гэм буруутай нь тогтоогдож ял шийтгэгдсэн бол гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтэд эдэлсэн ялын хугацааны талаарх мэдээллийг хавсаргана. Хэрэв тухайн этгээд гэм буруутай нь тогтоогдсон боловч ял шийтгүүлээгүй бол гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтэд түүний үр дагаврын талаарх мэдээллийг хавсаргана.

5. Энэхүү гэрээний дагуу хүсэлт болон дагалдах баримт бичиг, бусад мэдээлэл нь хүсэлт гаргагч талын эрх бүхий албан тушаалтны гарын үсэг, тэмдэгтэй байх бөгөөд хэрэв дээрх албан бичиг хүсэлт хүлээн авагч талын албан ёсны хэлээр үйлдэгдсэн бол англи хэлээрх орчуулгыг хавсаргана.

7 ДУГААР ЗҮЙЛ

Нэмэлт мэдээлэл

1. Хэрэв хүсэлт хүлээн авагч тал шилжүүлэх хүсэлт болон бусад мэдээлэл нь энэхүү гэрээний дагуу гэмт этгээдийг шилжүүлэн өгөхөд хангалттай бус хэмээн үзвэл тухайн тал тодорхой хугацаа зааж, уг хугацааны дотор нэмэлт мэдээлэл авахыг хүсч болно.

2. Шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийг баривчилсан боловч нэмэлт мэдээлэл нь энэхүү гэрээний хүрээнд хангалттай бус, мөн уг мэдээллийг тогтоосон хугацаанд хүлээн аваагүй бол тухайн этгээдийг суллаж болно. Ийнхүү суллах нь хүсэлт гаргагч тал дахин хүсэлт гаргахад саад болохгүй.

3. Хүсэлт хүлээн авагч тал энэ зүйлийн 2 дахь хэсэгт заасны дагуу аливаа этгээдийг суллахаас өмнө энэ тухайгаа хүсэлт гаргагч талд аль болох түргэн хугацаанд мэдэгдэнэ.

8 ДУГААР ЗҮЙЛ

Эрх бүхий төв байгууллага

1. Бүгд Найрамдах Социалист Вьетнам Улсын эрх бүхий төв байгууллага нь Нийгмийн аюулгүй байдлын яам байна.

Монгол Улсын эрх бүхий төв байгууллага нь Хууль зүй, дотоод хэргийн яам байна.

2. Талуудын эрх бүхий төв байгууллага гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтийг энэхүү гэрээ болон талуудын хуульд заасны дагуу хэрэгжүүлнэ.

3. Талуудын эрх бүхий төв байгууллага өөрчлөгдсөн тохиолдолд энэ тухайгаа дипломат шугамаар нөгөө талдаа бичгээр мэдэгдэнэ.

9 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ

Урьдчилан баривчлах

1. Яаралтай тохиолдолд аль ч тал гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтийг гаргахын өмнө эрэн сурвалжлагдаж буй этгээдийг урьдчилан баривчлуулах хүсэлт гаргаж болно.

2. Урьдчилан баривчлуулах хүсэлтийг бичгээр үйлдэх бөгөөд энэхүү гэрээний 8 дугаар зүйлд заасан журмын дагуу шууд дамжуулах, эсхүл Олон улсын эрүүгийн цагдаагийн байгууллага буюу Интерпол болон талуудын харилцан тохиролцсон өөр шугамаар дамжуулж болно.

3. Урьдчилан баривчлах хүсэлтэд энэхүү гэрээний 6 дугаар зүйлийн 2 дахь хэсэг мөн зүйлийн 3 болон 4 дэх хэсэгт заасан баримт бичгийг шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийг урьдчилан баривчлах тухай албан ёсны мэдэгдлийн хамт хавсаргана.

4. Хүсэлт хүлээн авагч тал урьдчилан баривчлах тухай хүсэлтийг хүлээж авсан даруй хүсэлтийн дагуу авсан арга хэмжээний талаар гаргасан талд даруй мэдэгдэнэ.

5. Хүсэлт хүлээн авагч тал баривчлагдсан этгээдийг цагдан хорьсон өдрөөс хойш жар (60) хоногийн дотор 6 дугаар зүйлд заасан шилжүүлэн өгөх хүсэлт болон баримт бичгийг хүлээн аваагүй бол баривчлагдсан этгээдийг суллана. Хэрэв хүсэлтийг дараа нь хүлээн авсан бол эрэн сурвалжилж байгаа этгээдийг шилжүүлэхэд саад болохгүй.

10 ДУГААР ЗҮЙЛ

Зөвшөөрлийн дагуу шилжүүлэх

Шилжүүлэхийг хүссэн этгээд нь хүсэлт гаргагч талын шүүх буюу эрх бүхий байгууллагаас гаргасан шилжүүлэхийг хүссэн хүсэлтийг зөвшөөрч буйгаа бичгээр мэдэгдсэн бол хүсэлт гаргагч тал шилжүүлэн авах ажиллагааг түргэвчлэх талаар бүхий л арга хэмжээг хууль тогтоомжийн дагуу авна.

11 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ

Нэгэн зэрэг гаргасан хэд хэдэн хүсэлт

1. Хэрэв аль нэг этгээдийг нэг төрлийн, эсхүл өөр өөр төрлийн гэмт хэргийн улмаас шилжүүлэн өгөхийг хүсэлт гаргагч тал болон нэг буюу түүнээс дээш тооны улс нэгэн зэрэг хүсэлт гаргасан бол хүсэлт хүлээн авагч тал эдгээр улсаас аль улсад тухайн этгээдийг шилжүүлэн өгөх тухай шийдвэр гаргаж, өөрийн шийдвэрийн талаар эдгээр улсад мэдэгдэнэ.

2. Тухайн этгээдийг аль улсад шилжүүлэн өгөх тухай шийдвэр гаргахдаа холбогдох бүх хүчин зүйлийг харгалзан үзэх бөгөөд ингэхдээ дараахь зүйлийг онцгойлон авч үзнэ:

a) хүсэлтийг аливаа гэрээний дагуу гаргасан эсэх;

b) шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийн иргэний харьяалал;

c) шилжүүлэх хүсэлт нь өөр өөр гэмт хэрэгт холбогдолтой бол, тэдгээр гэмт хэргийн хүнд, хөнгөн байдлын хамаарал;

d) гэмт хэрэг тус бүрийн үйлдэгдсэн цаг хугацаа, газар;

e) хүсэлт гаргагч улсаас хүлээж авсан хүсэлтийн дараалал;

f) шилжүүлэхийг хүссэн этгээдийн оршин суугаа газар ;

g) хүсэлт гаргагч улсын ашиг сонирхол;

h) хохирогчийн иргэний харьяалал;

i) хүсэлт гаргагч улстай цаашид гэмт этгээд шилжүүлэн өгөх боломж бий эсэх;

3. Энэхүү зүйлд "улс" гэсэн нэр томьёог олон улсын эрх зүйд заасан тодорхойлолтоор ойлгох бөгөөд уг ойлголтод тухайн улсын бие даасан Засгийн газраас гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлт гаргах эрх зохих ёсоор олгогдсон аливаа улсын нутаг дэвсгэрийг хамааруулна.

12 ДУГААР ЗҮЙЛ

Гэмт этгээдийг гуравдагч улсад шилжүүлэх

Хүсэлт хүлээн авагч талаас хүсэлт гаргагч талд шилжүүлэн өгч байгаа этгээдийг шилжүүлэн өгөхдөө доор дурдсанаас бусад тохиолдолд хүсэлт гаргагч тал тухайн этгээдийг өмнө үйлдсэн гэмт хэрэгт холбогдуулан гуравдагч улсад шилжүүлэн өгч болохгүй. Үүнд :

1. Хүсэлт хүлээн авагч тал нь шилжүүлэн өгөх хүсэлтийг хүлээн зөвшөөрсөн. Ийнхүү зөвшөөрөл хүссэн хүсэлтэд 6 дугаар зүйлд дурдсан баримт бичгийг хавсарган хүсэлт хүлээн авагч талд хүргүүлнэ;

2. Этгээд нь хүсэлт гаргагч талын нутаг дэвсгэрээс гарч явахад чөлөөтэй байсан ба шилжүүлбэл зохих гэмт хэргийн хувьд чөлөөлөх эцсийн шийдвэр гарснаас хойш дөчин таван (45) хоногийн дотор гараагүй бол;

3. Этгээд нь хүсэлт гаргагч талын нутаг дэвсгэрээс гарсны дараа сайн дураар буцаж ирсэн бол;

13 ДУГААР ЗҮЙЛ

Гэмт этгээдийг хүлээлгэн өгөх

1. Хүсэлт хүлээн авагч тал гэмт этгээдийг шилжүүлэх талаар шийдвэр гаргасан даруйд хүсэлт гаргагч талд тухайн шийдвэрийн талаар энэхүү

гэрээний 8 дугаар зүйлд заасан эрх бүхий төв байгууллагаар дамжуулан мэдэгдэнэ.

2. Талууд хүсэлт хүлээн авагч талын нутаг дэвсгэрт байрлах хүсэлт гаргагч талын холбогдох эрх бүхий байгууллагад хандаж тухайн этгээдийг шилжүүлэн өгөх огноо болон газрыг харилцан тохиролцон шийдвэрлэнэ.

3. Хүсэлт гаргагч тал тухайн этгээдийг хүсэлт хүлээн авагч талын заасан хугацааны дотор хүсэлт хүлээн авагч талын нутаг дэвсгэрээс шилжүүлэн авах бөгөөд энэ хугацаанд тухайн этгээдийг шилжүүлэн аваагүй бол хүсэлт хүлээн авагч тал уг этгээдийг суллаж, тухайн гэмт хэрэгт холбогдуулан шилжүүлэн өгөхөөс татгалзаж болно.

4. Аль нэг тал өөрөөс үл хамаарах шалтгааны улмаас гэмт этгээдийг шилжүүлж өгөх, эсхүл шилжүүлж аваагүй бол энэ тухай аль болох боломжит хугацаанд нөгөө талдаа мэдэгдэнэ. Хоёр тал гэмт этгээдийг шилжүүлэн өгөх, эсхүл шилжүүлэн авах шинэ огноог харилцан шийдвэрлэх бөгөөд үүнд энэ зүйлийн 3 дахь хэсгийн заалтыг баримтална.

5. Энэхүү гэрээний дагуу гэмт этгээдийг шилжүүлэн өгвөл хүсэлт гаргагч тал шилжүүлсэн гэмт этгээдийн хэргийг шүүхээр шийдвэрлүүлэх асуудлыг хариуцна.

14 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ

Эд хөрөнгө хураан авах, хүлээлгэн өгөх

1. Хүсэлт хүлээн авагч тал өөрийн улсын хууль тогтоомжийн хүрээнд болон гуравдагч талын эрх ашгийг бүрэн хүндэтгэх үндсэн дээр гэмт этгээдийг шилжүүлэхээр болсон бол хүсэлт хүлээн авагч талын нутаг дэвсгэрт илэрсэн гэмт хэрэгт холбогдолтой бүхий л эд хөрөнгийг нотлох баримт болгон ашиглах зорилгоор хүсэлт гаргагч талд хүлээлгэн өгнө.

2. Энэхүү зүйлийн 1 дэх хэсэгт заасныг баримтлан дээр дурдсан эд хөрөнгийг гэмт этгээд нас барсан буюу оргон зайлсан аль ч нөхцөлд хэрэв хүсэлт гаргагч тал хүсэлт гаргавал хүлээлгэн өгнө.

3. Хүсэлт хүлээн авагч тал хүсэлт гаргагч талаас тухайн эд хөрөнгийг хүсэлт хүлээн авагч талд боломжит хугацаанд буцаан хүргүүлэх хангалттай баталгааг хүсэлт гаргагч талаас гаргуулж эд хөрөнгийг шилжүүлэх болзол тавьж болно. Хэрэв хүсэлт хүлээн авагч талд тухайн эд хөрөнгө нотлох баримтын хэмжээнд шаардлагатай бол хүсэлт хүлээн авагч тал тэдгээрийг хүлээлгэн өгөхийг хойшлуулж болно.

4. Хүсэлт гаргагч тал шилжүүлсэн эд хөрөнгийг буцаахтай холбогдон гарах бүх зардлыг хариуцна.

15 ДУГААР ЗҮЙЛ

Онцгой журам

1. Энэхүү гэрээний дагуу шилжүүлэн өгсөн аливаа этгээдийг шилжүүлэн өгөхийг хүссэн тухайн хэргээс өөр өмнө үйлдсэн ямар нэг гэмт хэрэгт холбогдуулан саатуулах, яллах буюу шийтгэх, эсхүл аль нэг гуравдагч улсад дор дурдсанаас бусад тохиолдолд, ямар нэг гэмт хэргийн төлөө шилжүүлэн өгөхгүй. Үүнд:

a) шилжүүлэн өгсний дараа тухайн этгээд нь хүсэлт гаргагч талын нутаг дэвсгэрийг орхин гарсан боловч сайн дурааараа буцаж ирсэн бол;

b) тухайн этгээд хүсэлт гаргагч талын нутаг дэвсгэрийг дөчин тав (45) хоногийн дотор чөлөөтэй орхин гарах зөвшөөрөлтэй боловч ийнхүү орхин гараагүй бол;

c) хүсэлт хүлээн авагч тал зөвшөөрсөн бол. Ийнхүү зөвшөөрөл хүссэн хүсэлтэд энэхүү гэрээний 6 дугаар зүйлд дурдсан баримт бичиг болон тухайн гэмт хэрэгт холбогдож буй шилжүүлэн өгсөн этгээдийн нөхцөл байдлын талаар мэдээллийг хавсарган илгээнэ. Энэхүү гэрээний дагуу шилжүүлбэл зохих гэмт хэрэгт тус зөвшөөрлийг дөчин тав (45) хоногийн дотор өгч болно.

2. Энэхүү зүйлийн 1 дэх хэсэг нь шилжүүлэн өгсний дараа үйлдэгдсэн гэмт хэрэгт хамаарахгүй.

16 ДУГААР ЗҮЙЛ

Дамжин өнгөрөх

1. Аль нэг гуравдагч улсаас нөгөө талд хүлээлгэн өгч буй аливаа этгээдийг талуудын аль нэгний нутаг дэвсгэрээр дамжуулан тээвэрлэх бол ийнхүү дамжин өнгөрүүлэх тухай хүсэлтийг дипломат шугамаар, бичгээр тавих бөгөөд тухайн талын хууль тогтоомжийн дагуу зөвшөөрөл олгоно.

2. Хэрэв дамжин өнгөрүүлэх талын нутаг дэвсгэрт газардалгүй, агаарын тээврээр шууд дамжин өнгөрөх бол дамжин өнгөрүүлэх зөвшөөрөл шаардахгүй. Хэрэв тухайн талын нутаг дэвсгэрт газардах шаардлагатай тохиолдолд энэ зүйлийн 1 дэх хэсэгт заасны дагуу дамжин өнгөрүүлэх зөвшөөрөл авах хүсэлтээ гаргаж болно.

17 ДУГААР ЗҮЙЛ

Үр дүнг мэдэгдэх

Хүсэлт гаргагч тал нь шилжүүлэн өгсөн тухайн этгээдийг ял шийтгэсэн, шүүхийн хүчин төгөлдөр тогтоолыг хэрэгжүүлсэн, эсхүл түүнийг аль нэг гуравдагч улсад дахин шилжүүлсэн талаарх мэдээллийг хүсэлт хүлээн авагч талд тухай бүр мэдэгдэж байна.

18 ДУГААР ЗҮЙЛ

Төлөөлөл болон зардал

1. Хүсэлт хүлээн авагч тал гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлттэй холбогдуулан үүсэх аливаа шүүх ажиллагаанд хүсэлт гаргагч талын нэрийн өмнөөс шүүх хуралд оролцож, зөвлөж туслалцаа үзүүлэх бөгөөд түүний ашиг сонирхлыг төлөөлнө.

2. Хүсэлт хүлээн авагч тал шилжүүлэн өгөхийг хүссэн гэмт этгээдийг өөрийн нутаг дэвсгэрт баривчлах болон хүсэлт гаргагч талаас нэр заасан этгээдийг шилжүүлэх хүртэл баривчлах болон албадан саатуулахтай холбогдсон өөрийн нутаг дэвсгэр дээрх зардлыг хариуцна.

3. Хүсэлт гаргагч тал хүсэлт хүлээн авагч талын нутаг дэвсгэрээс гэмт этгээдийг шилжүүлэн гаргах болон дамжин өнгөрүүлэхтэй холбогдсон зардлыг хариуцна.

4. Хүсэлт гаргагч тал энэхүү гэрээний дагуу гэмт этгээдийг шилжүүлэх хүсэлтэд хавсаргаж хүргүүлэх баримт бичгийг орчуулах, тайлбарлах, хуулбарлах болон тухайн этгээдийг тээвэрлэхтэй холбогдсон зардлыг хариуцна.

5. Хэрэв зардал үлэмж их байвал талууд зардлыг хэрхэн хариуцах талаар зөвлөлдөнө.

19 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ

Зөвлөлдөх

Талууд энэхүү гэрээний үйл ажиллагааг дэмжихийн тулд эрх бүхий төв байгууллагаар дамжуулан тус гэрээг тайлбарлах, хэрэглэх болон хэрэгжүүлэх талаар харилцан зөвлөлдөнө.

20 ДУГААР ЗҮЙЛ

Маргаан шийдвэрлэх

Энэхүү гэрээг тайлбарлах, хэрэглэх болон хэрэгжүүлэхтэй холбогдон гарах аливаа маргааныг талуудын эрх бүхий төв байгууллага харилцан зөвлөлдөж шийдвэрлэнэ. Хэрэв эрх бүхий төв байгууллагууд зөвшилцөлд хүрч шийдвэрлэх боломжгүй тохиолдолд дипломат шугамаар шийдвэрлэнэ.

21 ДҮГЭЭР ЗҮЙЛ

Олон улсын олон талт гэрээтэй харилцах

Энэхүү гэрээ нь талуудын нэгдэн орсон олон улсын гэрээ болон хоёр талт гэрээ, бусад хэлэлцээрийн хүрээнд хүлээсэн эрх, үүрэгт хамаарахгүй.

22 ДУГААР ЗҮЙЛ

Хүчин төгөлдөр болох, нэмэлт, өөрчлөлт оруулах болон цуцлах

1. Талууд энэхүү гэрээг хүчин төгөлдөр болгох дотоодын хууль тогтоомжийн шаардлагыг хангасан тухайгаа нөгөө талдаа бичгээр мэдэгдэнэ. Энэхүү гэрээ нь хоёр мэдэгдлийн хамгийн сүүлд хүлээн авсан өдрөөс хойш гуч (30) дахь өдрөөс хүчин төгөлдөр болно.

2. Энэхүү гэрээнд харилцан зөвшилцсөний үндсэн дээр бичгээр нэмэлт, өөрчлөлт оруулж болно. Аливаа нэмэлт, өөрчлөлт нь тус гэрээний хүчин төгөлдөр болсон арга замын дагуу хүчин төгөлдөр болно.

3. Энэхүү гэрээ хүчин төгөлдөр болмогц 2000 оны 04 дүгээр сарын 17-ны өдөр байгуулсан "Бүгд Найрамдах Социалист Вьетнам Улс, Монгол Улсын хооронд иргэн, гэр бүлийн болон эрүүгийн хэргийн талаар эрх зүйн туслалцаа харилцан үзүүлэх тухай гэрээ"-ний 54-69 дэх зүйлийн заалтууд хүчин төгөлдөр бус болно.

4. Энэхүү гэрээ нь тодорхой бус хугацаагаар хүчин төгөлдөр хэвээр үлдэнэ. Аль ч тал, хэдийд ч энэхүү гэрээг дуусгавар болгох тухай хүсэлтийг дипломат шугамаар нөгөө талдаа бичгээр мэдэгдэж болно. Гэрээг дуусгавар болгох тухай мэдэгдлийг нөгөө тал хүлээн авснаас хойш нэг зуун ная (180) дахь өдрөөс дуусгавар болно. Гэрээ дуусгавар болох нь гэрээ дуусгавар болохоос өмнө эхэлсэн гэмт этгээд шилжүүлэх ажиллагаанд нөлөөлөхгүй.

ДЭЭР ДУРДСАНЫГ НОТОЛЖ, талуудын Засгийн газраас бүрэн эрх олгосны дагуу энэхүү гэрээнд гарын үсэг зурав.

Энэхүү гэрээг 2019 оны 07 дугаар сарын 10-ны өдөр Улаанбаатар хотноо вьетнам, монгол, англи хэлээр үйлдсэн бөгөөд эх бичвэр тус бүр нь адил хүчинтэй байна. Гэрээг тайлбарлахад зөрүү гарвал англи хэлээрх эх бичвэрийг баримтална.

БҮГД НАЙРАМДАХ СОЦИАЛИСТ ВЬЕТНАМ УЛСЫГ ТӨЛӨӨЛЖ

Генерал ТО ЛАМ
Нийгмийн аюулгүй байдлын сайд

МОНГОЛ УЛСЫГ ТӨЛӨӨЛЖ

ЦЭНДИЙН НЯМДОРЖ
Хууль зүй, дотоод хэргийн сайд